TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 137/2022/DS-ST Ngày: 28 – 11 – 2022 V/v tranh chấp về dân sự đòi tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp về dân sự đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Số **, ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Bà Châu Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT.

Bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa; bà Châu Thị L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Châu Thị L có vay của bà Nguyễn Thị T nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 10/11/2017 (âm lịch), bà L vay số tiền 17.000.000 đồng, trả góp trong thời hạn 100 ngày, với số tiền 200.000 đồng/ngày, tổng số tiền phải góp là 20.000.000 đồng, bà L đã góp được 12.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng.

- Ngày 02/12/2017 (âm lịch), bà L vay số tiền 17.000.000 đồng, trả góp trong thời hạn 100 ngày, với số tiền 200.000 đồng/ngày, tổng số tiền phải góp là 20.000.000 đồng, bà L đã góp được 8.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng.

- Ngày 18/12/2017 (âm lịch), bà L vay số tiền 17.000.000 đồng, trả góp trong thời hạn 100 ngày, với số tiền 200.000 đồng/ngày, tổng số tiền phải góp là 20.000.000 đồng, bà L đã góp được 5.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng.

- Ngày 06/01/2018 (âm lịch), bà L vay số tiền 17.000.000 đồng, trả góp trong thời hạn 100 ngày, với số tiền 200.000 đồng/ngày, tổng số tiền phải góp là 20.000.000 đồng, bà L đã góp được 4.000.000 đồng, còn lại 16.000.000 đồng.

- Ngày 13/11/2017 (âm lịch), bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng, bà L không trả gốc, chỉ đóng lãi với số tiền 2.500.000 đồng.

- Ngày 01/12/2017, bà L có vay số tiền 10.000.000 đồng, không lãi suất, không xác định thời hạn trả.

- Ngày 18/12/2017 (âm lịch), bà L vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng, bà L không trả gốc và lãi.

Tất cả các khoản vay chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Hiện nay, tổng số tiền bà L còn nợ bà T là 131.000.000 đồng, bà T đã nhiều lần chỉ yêu cầu bà L trả số tiền vay là 130.000.000 đồng nhưng bà L không trả. Đối với số tiền lãi đã nhận, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nay, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Châu Thị L trả cho bà T số tiền vay là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

- Bị đơn bà Châu Thị L trình bày.

Bà Châu Thị L thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị T nhiều lần, hiện nay còn nợ số tiền 130.000.000 đồng. Bà Châu Thị L đồng ý trả bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), bà L yêu cầu trả dần số tiền nêu trên cho bà T.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên bản ngày 15/6/2018 (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự đòi tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Châu Thị L cư trú tại ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Châu Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của giao dịch vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị T và bà Châu Thị L (thỏa thuận miệng).

Xét thấy, sau khi đạt được sự thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn vay, bà T và bà L đã xác lập giao dịch vay tài sản. Tại thời xác lập các giao dịch, bà T và bà L có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết các giao dịch vay tài sản thì bà T và bà L đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên các giao dịch vay tài sản giữa bà T và bà L có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Châu Thị L trả cho bà T số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Xét thấy, theo bà T xác định, bà T cho bà L vay nhiều lần, bà L cũng nhiều lần trả tiền vay cho bà T, hiện nay còn nợ số tiền 130.000.000 đồng. Đối với số tiền nêu trên, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nhưng bà L không trả. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cũng thừa nhận còn nợ bà T số tiền 130.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Châu Thị L trả cho bà T số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), là phù hợp theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T nên bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, Điều 166, Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Châu Thị L trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Châu Thị L phải chịu tiền án phí là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: 0010442 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên